VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, tàu lặn[1], ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

---

[1] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa[2].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

---

[2] Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa."

1. Thông tư này quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, tàu lặn[3], ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với tàu biển, tàu lặn[4], ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thiết kế, chế tạo, đóng mới, sửa chữa, hoán cải, nhập khẩu, sử dụng và thực hiện công tác đăng kiểm về chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, an toàn lao động đối với tàu biển, tàu lặn[5], ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

---

[3] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[4] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[5] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Chương II
CÁC BIỂU MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, SỔ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật Việt Nam

1. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, tàu lặn[6] quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Các biểu mẫu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động theo các công ước quốc tế của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)

1. Các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng các biểu mẫu theo quy định của các công ước quốc tế.

2. Các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam chưa là thành viên hoặc công ước không quy định cụ thể mẫu giấy chứng nhận, theo yêu cầu của chủ tàu biển,

---

[6] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

kho chứa nổi, giàn di động để cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan biết tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động đã phù hợp thì áp dụng các biểu mẫu giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các biểu mẫu giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện

Các giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện cấp cho tàu biển, tàu lặn[7], ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động thì áp dụng các biểu mẫu tương ứng được nêu tại Thông tư này và bổ sung thêm chữ "Tạm thời" hoặc "Có điều kiện" vào giấy chứng nhận.

Điều 7. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp cho tàu biển, tàu lặn[8], kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam

Trường hợp tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển, tàu lặn[9], kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam thì áp dụng biểu mẫu do tổ chức đăng kiểm nước ngoài biên soạn theo quy định của các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên hoặc áp dụng biểu mẫu quy định tại Thông tư này.

---

[7] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[8] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[9] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Điều 8. Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo phương thức điện tử

Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo phương thức điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn của IMO và ILO.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[10]

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Bãi bỏ Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 41/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

---

[10] Điều 2 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 quy định như sau:

"***Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

3. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2019/TT-BGTVT tiếp tục có hiệu lực đến ngày hết hiệu lực của các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đó.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 41/VBHN-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024* **KT. BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG** **Nguyễn Xuân Sang**

Phụ lục I
Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, tàu lặn[11]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận phân cấp	Mẫu số I.01	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận phù hợp đi một chuyến	Mẫu số I.02	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận hoãn bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra	Mẫu số I.03	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 23:2016/BGTVT, QCVN 42:2015/BGTVT.
4	Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị	Mẫu số I.04	QCVN 42:2015/BGTVT, QCVN 21:2015/BTGVT
5	Giấy chứng nhận mạn khô	Mẫu số I.05	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT.
6	Giấy chứng nhận dung tích (cấp cho tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 m)	Mẫu số I.06	QCVN 63:2013/BGTVT.
7	Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu	Mẫu số I.07	QCVN 26:2018/BGTVT.

[11] Cụm từ "tàu lặn" được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

TT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
8	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết	Mẫu số I.08	QCVN 23:2016/BGTVT.
9	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết, làm việc ghép đôi	Mẫu số I.09	QCVN 23:2016/BGTVT.
10	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trụ xoay hoặc máy nâng và các chi tiết	Mẫu số I.10	QCVN 23:2016/BGTVT.
11	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy/cầu xe và các chi tiết	Mẫu số I.11	QCVN 23:2016/BGTVT.
12	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra các chi tiết tháo được	Mẫu số I.12	QCVN 23:2016/BGTVT.
13	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép	Mẫu số I.13	QCVN 23:2016/BGTVT.
14	Sổ đăng ký thiết bị nâng và chi tiết tháo được của tàu biển	Mẫu số I.14	QCVN 23:2016/BGTVT.
15	Giấy chứng nhận an toàn tàu khách	Mẫu số I.15	QCVN 21: 2015/BGTVT.
16	Giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc	Mẫu số I.16	QCVN 54:2015/BGTVT.
17	Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu	Mẫu số I.17	QCVN 21:2015/BGTVT.
18	Giấy chứng nhận thay đổi thông số	Mẫu số I.18	QCVN 21:2015/BGTVT.

TT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
19	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển	Mẫu số I.19	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT.
20	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi	Mẫu số I.20	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT.
21	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải tàu biển	Mẫu số I.21	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT.
22	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế	Mẫu số I.22	QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT; QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 23:2016/BGTVT.
23	Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển xô hàng rời rắn bằng đường biển	Mẫu số I.23	QCVN 21: 2015/BGTVT, Bộ luật quốc tế về vận chuyển xô hàng rời rắn bằng đường biển (Bộ luật IMSBC).

TT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
24	Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rắn chở xô	Mẫu số I.24	QCVN 21:2015/BGTVT, Chương II-2 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74).
25	Giấy chứng nhận phù hợp cho hoạt động kéo	Mẫu số I.25	QCVN 73:2019/BGTVT.
26	Giấy chứng nhận thử lực kéo tại móc	Mẫu số I.26	QCVN 73:2019/BGTVT.
27	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu lặn	Mẫu số I.27	MSC/Circular.981 của IMO.
28	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường du thuyền	Mẫu số I.28	QCVN 81:2014/BGTVT và Sửa đổi 1 - 2017 QCVN 81: 2014/BGTVT.
29	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển cỡ nhỏ	Mẫu số I.29	QCVN 03:2016/BGTVT.

Phụ lục II

Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận phân cấp ụ nổi	Mẫu số II.01	QCVN 55:2013/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật ụ nổi	Mẫu số II.02	QCVN 55:2013/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế ụ nổi	Mẫu số II.03	QCVN 55:2013/BGTVT.
4	Sổ đăng ký thiết bị nâng trên công trình biển	Mẫu số II.04	QCVN 97:2016/BGTVT.

Phụ lục III

Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.01	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận đi một chuyến	Mẫu số III.02	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.03	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
4	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.04[12]	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.

[12] Mẫu số III.04 được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
5	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.05[13]	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
6	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.06[14]	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
7	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.07[15]	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT.

[13] Mẫu số III.05 được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[14] Mẫu số III.06 được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

[15] Mẫu số III.07 được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
8	Giấy chứng nhận sao và thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo mẫu	Mẫu số III.08[16]	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT.
9	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.09	QCVN 25:2015/BGTVT.
10	Sổ kiểm tra thiết bị nâng hàng phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.10	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 96: 2016/BGTVT.

[16] Mẫu số III.08 được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

Phụ lục IV
Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.01	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT
2	Giấy chứng nhận Thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.02	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT
3	Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.03	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT
4	Giấy chứng nhận thử sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.04	Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT

Phụ lục V

Các biểu mẫu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam chưa là thành viên hoặc công ước không quy định cụ thể mẫu giấy chứng nhận

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dằn	Mẫu số V.01	Công ước quốc tế về quản lý nước dằn và cặn nước dằn (Công ước BWM 2004).
2	Giấy chứng nhận phù hợp về danh mục các vật liệu nguy hiểm	Mẫu số V.02	Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010).
3	Giấy chứng nhận phù hợp đủ điều kiện tái chế tàu biển	Mẫu số V.03	Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010).
4	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch chở xô hàng hạt	Mẫu số V.04	Chương VI của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74).
5	Bản công bố nhật ký điện tử theo MARPOL	Mẫu số V.05	Nghị quyết MEPC.312(74) và Nghị quyết MEPC.314(74) của IMO.

Mẫu số I.01

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Số: .....
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP
CLASSIFICATION CERTIFICATE

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
Issued under the provisions of the National Technical Regulation

THÂN TÀU - HULL

Tên tàu: .....
Name of Ship

Số phân cấp: .....
Class Number

Kiểu tàu: .....
Type of Ship

Chiều dài: ..... (m)
Length

Cảng đăng ký: .....
Port of Registry

Chiều rộng: ..... (m)
Breadth

Quốc tịch: .....
Flag

Chiều cao mạn: ..... (m)
Depth

Hô hiệu: .....
Call Sign

Chiều chìm: ..... (m)
Draught

Tổng dung tích: .....
Gross Tonnage

Trọng tải toàn phần: ..... (T)
Deadweight

Vật liệu vỏ tàu: .....
Material of Hull

Năm và nơi đóng: .....
Year and Place of Build

Số IMO: .....
IMO Number

Năm và nơi hoán cải lớn: .....
Year and Place of Major Conversion

Chủ tàu: .....
Shipowner

Công ty: .....
Company

MÁY CHÍNH - MAIN ENGINES

Kiểu: .....
Type

Tổng công suất: .....
Total Power

Số lượng: .....
Number

Năm và nơi chế tạo: .....
Year and Place of Build

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn. Do đó tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:
This is to certify that as a result of the survey performed, the ship, her equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of the Regulations. The class with the following notation is assigned/renewed(*) to the ship:

Các hạn chế thường xuyên: .....
Permanent restrictions .....

Các đặc tính khác: .....
Other characteristics

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày ..... với điều kiện phải có xác nhận hàng năm phù hợp với Quy chuẩn
This Certificate is valid until ..... subject to annual confirmation in accordance with the Regulations

Cấp tại ..... Ngày .....
Issued at ..... Date .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

(*) Gạch bỏ khi không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ NHẤT
FIRST ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận. **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ HAI/TRUNG GIAN*
SECOND ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận. **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ BA/TRUNG GIAN*
THIRD ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận. **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ TƯ
FOURTH ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận. **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

NHỮNG LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ TẠM THỜI
TEMPORARY RESTRICTIONS AND REMARKS

.....

.....

Mẫu số I.02

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: .....
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP ĐI MỘT CHUYẾN
CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR SINGLE VOYAGE

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
Issued under the provisions of the National Technical Regulation:

Tên tàu: ..... Hô hiệu: .....
Name of Ship Call Sign
Kiểu tàu: ..... Quốc tịch: .....
Type of Ship Flag
Số phân cấp: ..... Cảng đăng ký: .....
Class Number Port of Registry
Tổng dung tích: ..... Công suất máy chính: .....
Gross Tonnage Power of Main Engines
Chủ tàu: .....
Shipowner
Công ty: .....
Company

Căn cứ kết quả kiểm tra vỏ tàu, trang thiết bị, hệ thống máy, các hệ thống bơm và đường ống, trang bị điện, vô tuyến điện, trang bị hàng hải, phương tiện cứu sinh và tín hiệu, chứng nhận rằng tàu nói trên thỏa mãn đi một chuyến:
This is to certify that on the basic of the survey of hull, equipment, machinery installation, pumping and piping, electrical installation, radio equipment, navigation equipment, life - saving appliances and signal means, the above ship has been found fit for the single voyage:

Từ cảng: ..... Đến cảng: .....
From To

Với điều kiện thỏa mãn các yêu cầu sau đây:
Provided that the following requirements are fulfilled

.....

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày .....
This Certificate is valid until

Cấp tại ..... Ngày .....
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Mẫu số I.03

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: ----------
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN HOÃN BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, KIỂM TRA
CERTIFICATE OF POSTPONEMENT OF MAINTENANCE, SERVICE, SURVEY

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
Issued under the provisions of the National Technical Regulation:

Đặc trưng tàu:
Particulars of ship:

Tên tàu: _____
Ship's Name:

Số IMO: _____
IMO Number:

Tổng dung tích _____
Gross Tonnage:

Quốc tịch: _____
Flag:

Cảng đăng ký _____
Port of Registry:

Hô hiệu: _____
Call Sign:

Chủ tàu: _____
Shipowner:

Căn cứ kết quả kiểm tra, Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hoãn kiểm tra cho tàu như sau:
On the basic of the survey, Vietnam Register endorses to postpone the following:

TT No.	Loại hình công việc Kind of work	Ngày đến hạn Due date	Hoãn đến Postponement until	Lý do hoãn Reason for postponement

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến:
This Certificate is valid until: _____

Cấp tại _____, ngày _____
Issue at date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Mẫu số I.04

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: .....
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN TRANG THIẾT BỊ
SHIP SAFETY EQUIPMENT CERTIFICATE

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Safety Equipment of Ships

Đặc điểm tàu:
Particulars of ship

Tên tàu: .....
Name of Ship

Số đăng ký hoặc Hô hiệu: .....
Official Number or Call Sign

Cảng đăng ký: .....
Port of Registry

Số phân cấp: .....
Class Number

Chiều dài tàu: ..... (m)
Length of Ship

Tổng dung tích: .....
Gross Tonnage

Vùng hoạt động: .....
Area of Navigation

Số IMO: .....
IMO Number

Chủ tàu: .....
Shipowner

Ngày đặt sống chính: .....
Date on which keel was laid

Kiểu tàu:
Type of ship:

☐ Tàu chở hàng rời
Bulk Carrier

☐ Tàu dầu
Oil Tanker

☐ Tàu chở hoá chất
Chemical Tanker

☐ Tàu chở khí
Gas Carrier

☐ Tàu chở hàng khác với các kiểu nêu trên
Cargo Ship other than any of the above

CHỨNG NHẬN RẰNG
THIS IS TO CERTIFY

1. Tàu đã được kiểm tra phù hợp với các quy định quốc gia hiện hành về trang bị an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, trang bị vô tuyến điện, thiết bị hàng hải và phương tiện tín hiệu, và
   That the ship has been surveyed in accordance with the National Regulations on safety, life saving, fire protection appliances, radio installations, navigational equipment and signal apparatus in force, and
2. Đợt kiểm tra cho thấy rằng: Trạng thái các trang thiết bị an toàn nêu trên của tàu hoàn toàn thỏa mãn và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn.
   That the survey showed that: The condition of the above mentioned safety equipment was in all respects satisfactory and that the ship complied with the requirements of the Regulation.

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày ..... với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp.
This Certificate is valid until ..... subject to surveys in accordance with the Regulation.

Cấp tại .....
Issued at

Ngày .....
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

☒ Đánh dấu nếu thích hợp.
Check if appropriate.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ KIỂM TRA CHU KỲ

ENDORSEMENT FOR ANNUAL/ PERIODICAL SURVEYS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the valid duration of this Certificate is confirmed

Kiểm tra hàng năm **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
Annual survey

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ(1) **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
Annual/ periodical(1) survey

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ(1) **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
Annual/ periodical(1) survey

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
Annual survey

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

(1) Gạch bỏ khi không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ CHU KỲ BỔ SUNG

ENDORSEMENT FOR ADDITIONAL ANNUAL/ PERIODICAL SURVEY

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the valid duration of this Certificate is confirmed.

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ(1)
Annual/ Periodical(1) survey

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi kiểm tra: .....
Place
Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN

ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE

Theo Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày: .....
This Certificate shall, in accordance with the Regulations, be accepted as valid until:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi xác nhận: .....
Place
Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ẤN ĐỊNH KIỂM TRA

ENDORSEMENT FOR ADVANCEMENT OF ANNIVERSARY DATE

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là: .....
In accordance with the Regulations, the new anniversary date is:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi xác nhận: .....
Place
Ngày: .....
Date

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là: .....
In accordance with the Regulations, the new anniversary date is:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi xác nhận: .....
Place
Ngày: .....
Date

Mẫu số I.05

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: .....

GIẤY CHỨNG NHẬN MẠN KHÔ

Cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn)

Tên tàu	Số đăng ký hoặc hô hiệu	Cảng đăng ký	Chiều dài (m)

Kiểu tàu*:

- Kiểu A
- Kiểu B
- Kiểu B có mạn khô giảm
- Kiểu B có mạn khô tăng

Mạn khô tính từ đường boong: **Đường nước chở hàng:**

Nhiệt đới: ..... mm(T) ..... mm cao hơn (S)

Mùa hè: ..... mm(S) Tại mép trên của đường qua tâm vòng tròn

Chở gỗ nhiệt đới: ..... mm(LT) ..... mm cao hơn (LS)

Chở gỗ mùa hè: ..... mm(LS) ..... mm cao hơn (S)

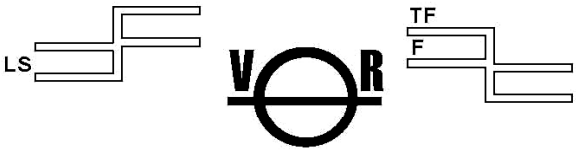

Hiệu chỉnh nước ngọt cho tất cả các mạn khô trừ mạn khô chở gỗ ..... mm, cho mạn khô chở gỗ ..... mm

Mép trên của đường boong, từ đó đo các giá trị của mạn khô nói trên, là ..... mm

tại mạn tàu.

.....

CHỨNG NHẬN RẰNG

Tàu đã được kiểm tra và xác nhận rằng mạn khô đã được ấn định và dấu mạn khô nêu trên đã được đánh dấu phù hợp với Quy chuẩn.

Giấy này có hiệu lực đến: ..... với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn

Cấp tại ..... Ngày .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

(*) Gạch bỏ nội dung không thích hợp.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM

Chứng nhận rằng tại đợt kiểm tra theo Phần 1B của Quy chuẩn, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.

Kiểm tra hàng năm lần thứ nhất: **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Nơi kiểm tra: .....

Ngày: .....

Kiểm tra hàng năm lần thứ hai: **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Nơi kiểm tra: .....

Ngày: .....

Kiểm tra hàng năm lần thứ ba: **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Nơi kiểm tra: .....

Ngày: .....

Kiểm tra hàng năm lần thứ tư: **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Nơi kiểm tra: .....

Ngày: .....

KIỂM TRA HÀNG NĂM THEO MỤC 1.1.4 PHẦN 1B

Chứng nhận rằng theo kết quả kiểm tra hàng năm theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, tàu đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.

Nơi kiểm tra: .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Ngày: .....

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN THEO MỤC 1.1.5 PHẦN 1B

Theo Mục 1.1.5, Phần 1B của Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:

.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nơi xác nhận: .....

Ngày: .....

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ẤN ĐỊNH KIỂM TRA KHI ÁP DỤNG MỤC 1.1.4 PHẦN 1B

Theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nơi xác nhận: .....

Ngày: .....

Theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nơi xác nhận: .....

Ngày: .....

Mẫu số I.06

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022//TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: .....

GIẤY CHỨNG NHẬN DUNG TÍCH

Cấp theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo dung tích tàu biển
(Áp dụng cho tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 m)

Tên tàu	Số đăng ký hoặc Hô hiệu	Cảng đăng ký	Ngày đặt sống chính

CÁC KÍCH THƯỚC CHÍNH

Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao mạn (m)

DUNG TÍCH CỦA TÀU

TỔNG DUNG TÍCH

DUNG TÍCH CÓ ÍCH

CHỨNG NHẬN RẰNG

Dung tích của tàu nói trên đã được đo phù hợp với quy định về đo dung tích cho tàu biển có chiều dài nhỏ hơn 24 m.

Cấp tại ..... Ngày .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CÁC KHÔNG GIAN TÍNH VÀO DUNG TÍCH TÀU		
TỔNG DUNG TÍCH		
Tên không gian	Vị trí	Chiều dài (m)
DUNG TÍCH CÓ ÍCH		
NT = 0,3 x GT		
CHIỀU CHÌM LÝ THUYẾT (m)		

(Xem tiếp Công báo số 163 + 164)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng